

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

**Địa chỉ: 73 Cộng Hòa, Phường 04, Quận Tân Bình, TP.HCM**

**Mã số thuế: 0304793946**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 4/2018 cho năm tài chính 2018**

**Kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Cho báo cáo tài chính Quý 4 năm tài chính 2018  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>433,609,357,809</b>	<b>262,836,283,635</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>69,713,442,551</b>	<b>27,007,558,321</b>
1. Tiền	111	V.01	45,623,081,551	9,760,075,782
2. Các khoản tương đương tiền	112		24,090,361,000	17,247,482,539
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20,000,000,000</b>	
1. Chứng khoán kinh doanh			-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20,000,000,000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129,362,421,703</b>	<b>150,460,362,992</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	89,801,889,312	141,994,628,275
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2,647,463,393	1,595,532,816
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	36,913,068,998	6,870,201,901
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>197,063,730,259</b>	<b>83,792,063,526</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	197,063,730,259	83,792,063,526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17,469,763,296</b>	<b>1,576,298,796</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	1,065,854,378	1,576,298,796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16,394,500,684	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	9,408,234	-
5. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>305,770,737,380</b>	<b>181,118,006,587</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3,645,230,000</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		3,645,230,000	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35,504,669,656</b>	<b>38,283,866,277</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	35,504,669,656	38,283,866,277
- Nguyên giá	222		59,744,931,458	58,393,533,216
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24,240,261,802)	(20,109,666,939)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>5,554,140,310</b>	<b>5,554,140,310</b>
- Nguyên giá	231		6,818,717,145	6,818,717,145
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1,264,576,835)	(1,264,576,835)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	<b>121,100,000,000</b>	<b>137,100,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	20,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		93,600,000,000	109,600,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.500.000.000	7.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>139,966,697,414</b>	<b>180,000,000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	85,095,797,414	180,000,000
2. Tài sản dài hạn khác	268		54,870,900,000	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>739,380,095,189</b>	<b>443,954,290,222</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>560,446,488,643</b>	<b>267,337,007,825</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>245,786,334,509</b>	<b>249,330,718,586</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	83,322,018,649	87,376,721,960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	85,271,406,104	32,035,618,083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2,618,298,499	2,899,463,812
4. Phải trả người lao động	314		2,004,582,247	1,687,192,205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	9.066.636.569	14,602,475,235
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	62,489,875,290	108,265,609,234
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	1,266,442,897	2,398,083,803
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	(252.925.746)	65,554,254
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>314,660,154,134</b>	<b>18,006,289,239</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		251,597,983,187	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		630,934,046	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.13a	14,439,145,080	12,184,502,360
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	47,365,587,136	5,821,786,879
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		626,504,685	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>178,933,606,546</b>	<b>176,617,282,397</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>178,933,606,546</b>	<b>176,617,282,397</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122,000,000,000	122,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		122,000,000,000	122,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23,325,030,000	23,325,030,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		14,030,348,684	14,030,348,684
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(440,000)	(440,000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		4,774,530,409	3,161,610,409
6. Quỹ khác thuộc VCSH( Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ)	420		10,227,963,331	10,227,963,331
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>4,576,174,122</b>	<b>3,872,769,973</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		3,872,769,973	1,277,501,241
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		703,404,149	2,595,268,732
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b><u>739,380,095,189</u></b>	<b><u>443,954,290,222</u></b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2019

**Bùi Thị Thanh Hồng**  
Người lập**Nguyễn Thị Thoa**  
Kế toán trưởng  
**Trần Minh Thu**  
Tổng Giám đốc

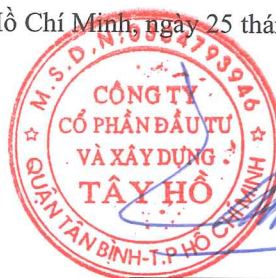
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Cho báo cáo tài chính Quý 4 năm tài chính 2018  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72,455,811,808	158,273,698,787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(19,321,818)	(431,108,018)
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)</b>	<b>10</b>		<b>72,436,489,990</b>	<b>157,842,590,769</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54,779,668,281	134,498,927,370
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>17,656,821,709</b>	<b>23,343,663,399</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,687,823,728	242,757,257
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5,056,826,811	1,989,406,518
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		460,508,811	1,989,406,518
Phần lãi hoặc lỗ trong cty liên kết, liên doanh	24			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9,898,462,858	9,707,585,797
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>5,389,355,768</b>	<b>11,889,428,341</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,194,051,155	53,886,040
12. Chi phí khác	32	VI.7	12,329,227	573,052,934
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,181,721,928	(519,166,894)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6,571,077,696</b>	<b>11,370,261,447</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		744,351,764	2,274,052,289
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		626,504,685	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5,200,221,247</b>	<b>9,096,209,158</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2019

**Bùi Thị Thanh Hồng**  
Người lập**Nguyễn Thị Thoa**  
Kế toán trưởng**Trần Minh Thu**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho báo cáo tài chính Quý 4 năm tài chính 2018  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>I1</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		69,143,364,550	63,722,040,503
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ và dịch vụ	02		(70,217,256,367)	(41,348,458,667)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15,902,939,868)	(12,101,057,248)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1,543,572,307)	(1,902,359,572)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,063,839,045)	(512,627,705)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		140,170,004,302	61,143,990,411
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(71,019,333,005)	(67,059,355,016)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>49,566,428,260</b>	<b>1,942,172,706</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>I2</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62,313,522,860)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		380.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,000,000,000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500,000,000)	(6,900,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		512,121,008	242,757,257
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(81,921,401,852)</b>	<b>(6,657,242,743)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>I3</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		27,505,752,712	35,343,868,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(57,509,986,322)	(67,333,722,572)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2,250,000,000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.494.025.910)	(115.389.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(42,748,259,520)</b>	<b>(32,105,244,372)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(75,103,233,112)	(36,820,314,409)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		144,816,675,663	63,827,872,730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		69,713.442,551	27,007,558,321

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Bùi Thị Thanh Hồng  
Người lập

Nguyễn Thị Thoa  
Kế toán trưởng



Trần Minh Thu  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho báo cáo tài chính Quý 4 năm tài chính 2018  
tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình dân dụng, giao thông, trạm biến áp...; cho thuê kho và kinh doanh bất động sản.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

---

### **2. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ .

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các công trình xây dựng.

### **4. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bán hàng cho dự án Compass One và chi phí tư vấn dịch vụ khách sạn. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Chi phí bán hàng cho dự án Compass One***

Chi phí bán hàng cho dự án Compass One được phân bổ vào chi phí theo doanh thu bán căn hộ thực tế phát sinh.

#### ***Chi phí tư vấn dịch vụ khách sạn***

Chi phí tư vấn dịch vụ khách sạn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

### **6. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

### **7. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng**

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành theo hợp đồng thi công.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 0,5% - 3% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những kỳ trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

---

### **8. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **9. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### **11. Khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ thực hiện dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### **12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

### 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.818.162.648	939.462.090
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.804.918.903	8.820.613.692
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	24.090.361.000	17.247.482.539
<b>Cộng</b>	<b><u>69.713.442.551</u></b>	<b><u>27.007.558.321</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>5.610.000.000</i></b>	<b><i>10.466.011.455</i></b>
Công ty Cổ phần Long Thành Riverside	4.950.000.000	10.136.011.455
Công ty TNHH Westlake Hospitality	660.000.000	330.000.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>84.191.889.312</i></b>	<b><i>131.528.616.820</i></b>
Bộ Tư lệnh Hải Quân	2.536.326.250	6.205.670.250
Ban Quản lý dự án Thị xã Bến Cát	1.397.650.000	561.677.637
Ban Quản lý dự án 9	8.871.978.440	8.871.978.440
Ban Quản lý dự án 45	7.725.704.100	34.930.587.205
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Tây Hồ	36.108.203.603	309.693.404
Ban Quản lý dự án tỉnh Bình Dương	423.716.035	6.092.354.199
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương		31.588.733.606
Công ty Bất động sản Viettel	8.319.596.671	16.977.935.283
Công ty Obayashi Việt Nam		8.176.300.000
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	-	-
Cục hải quan tỉnh Bình Dương	9.666.990.376	
Các khách hàng khác	9.141.723.837	17.813.686.796
<b>Cộng</b>	<b><u>89.801.889.312</u></b>	<b><u>141.994.628.275</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng La Giang	-	1.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phan Vũ	904.961.200	-
Công ty TNHH XD TM DV Vận Tải Văn Minh	607.164.180	-
Các nhà cung cấp khác	1.135.338.013	595.532.816
<b>Cộng</b>	<b><u>2.647.463.393</u></b>	<b><u>1.595.532.816</u></b>

**4. Phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu đội xây dựng	4.233.951.449	1.301.002.009
Tạm ứng	2.466.837.049	5.569.199.892
Phải thu khác	30.212.280.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>36.913.068.998</u></b>	<b><u>6.870.201.901</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang xây dựng	47.775.207.298	18.558.376.811
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang liên quan bất động sản	149.288.522.961	65.233.686.715
<b>Cộng</b>	<b><u>197.063.730.259</u></b>	<b><u>83.792.063.526</u></b>

**6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phần mềm kế toán	208.210.000	125.055.547
Công cụ, dụng cụ	857.644.378	1.451.243.249
<b>Cộng</b>	<b><u>1.065.854.378</u></b>	<b><u>1.576.298.796</u></b>

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bán hàng cho dự án Compass One	85.095.797.414	-
Chi phí tư vấn dịch vụ khách sạn	-	180.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>85.095.797.414</u></b>	<b><u>180.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019****7. Tài sản cố định hữu hình trong quý**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	42.556.201.919	2.726.861.992	12.438.676.337	671.792.968	58.393.533.216
Mua trong kỳ	-	173.000.000	1.178.398.242	-	1.351.398.242
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>42.556.201.919</b>	<b>2.899.861.992</b>	<b>13.617.074.579</b>	<b>671.792.968</b>	<b>59.744.931.458</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.165.500.377	1.313.107.446	2.652.440.155	406.501.149	6.537.549.127
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	12.759.792.283	1.941.271.440	4.851.999.989	556.603.227	20.109.666.939
Khấu hao trong kỳ	2.297.507.587	313.711.956	1.429.042.770	90.332.550	4.130.594.863
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.057.299.870</b>	<b>2.254.983.396</b>	<b>6.281.042.759</b>	<b>646.935.777</b>	<b>24.240.261.802</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	29.796.409.636	785.590.552	7.586.676.348	115.189.741	38.283.866.277
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>27.498.902.049</b>	<b>644.878.596</b>	<b>7.336.031.820</b>	<b>24.857.191</b>	<b>35.504.669.656</b>

**8. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	6.818.717.145
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.818.717.145</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết	-
<b>Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC</b>	<b>1.264.576.835</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	5.554.140.310
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.554.140.310</b>

Bất động sản đầu tư của Công ty là thửa đất tại phường Phú Mỹ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Công ty TNHH Westlake Hospitality <sup>(i)</sup>	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết</b>	<b>93.600.000.000</b>	<b>109.600.000.000</b>
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc <sup>(ii)</sup>	-	16.000.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá gốc</u>
Công ty Cổ phần Long Thành Riverside <sup>(iii)</sup>	93.600.000.000	93.600.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
Công ty Cổ phần C&N New Vina <sup>(iv)</sup>	7.500.000.000	7.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>121.100.000.000</b>	<b>137.100.000.000</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602669386 ngày 28 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Westlake Hospitality 20.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600709322 ngày 08 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc 32% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602669386 ngày 07 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 2 ngày 29 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Long Thành Riverside 93.600.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801137403 ngày 13 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần C&N New Vina 15% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.500.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Thế giới Nhà	-	5.641.053.746
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	712.321.350	1.455.917.900
Công ty TNHH MTV Trần Dũng	418.000.000	947.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Minh	1.921.248.070	-
Các nhà cung cấp khác	80.270.449.229	79.332.750.314
<b>Cộng</b>	<b>83.322.018.649</b>	<b>87.376.721.960</b>

### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	917.100.000	1.834.200.000
Công ty TNHH Đông Đô Thành	420.974.746	674.054.746
Ban Quản lý dự án tỉnh Bình Dương	1.678.454.758	4.943.157.000
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng TP. Thủ Dầu Một	11.789.489.624	3.728.121.337
Cục Hải Quan tỉnh Bình Dương	-	17.000.000.000
BQLDAĐTXD ĐCN Tỉnh Bình Phước	13.137.634.000	-
Ban Quản lý dự án huyện Thuận An	16.027.685.000	3.774.185.000
BQL DA Đầu tư XDCT CA Tỉnh Bình Dương	33.480.528.661	-
Các khách hàng khác	8.736.639.315	81.900.000
<b>Cộng</b>	<b>85.271.406.104</b>	<b>32.035.618.083</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	114.217.399	-	-	(123.625.633)		9.408.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	2.537.281.352	-	2.940.596.489	(4.484.457.242)	993.420.599	-
Thuế thu nhập cá nhân	247.965.061	-	2.007.038.125	(630.125.286)	1.624.877.900	-
<b>Cộng</b>	<b>2.899.463.812</b>	<b>-</b>	<b>4.947.634.614</b>	<b>(5.238.208.161)</b>	<b>2.618.298.499</b>	<b>9.408.234</b>

### 13. Phải trả khác

#### 13a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	29.464.199	108.051.482
Bảo hiểm xã hội	0	-
Bảo hiểm y tế	16.217.756	16.217.756
Bảo hiểm thất nghiệp	611.297	611.297
Phải trả các đội xây dựng	6.924.310.396	5.451.561.474
Cổ tức phải trả	2.032.801.935	8.369.802.240
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	63.230.986	656.230.986
<b>Cộng</b>	<b>9.066.636.569</b>	<b>14.602.475.235</b>

#### 13b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ	9.909.540.721	10.856.291.281
Tiền nhận góp vốn để đầu tư vào Dự án Thung Lũng Xanh	-	1.106.912.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	4.529.604.359	221.299.079
<b>Cộng</b>	<b>14.439.145.080</b>	<b>12.184.502.360</b>

### 14. Vay

#### 14a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	56.472.775.290	98.548.347.174
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	56.472.775.290	13.545.539.140
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu <sup>(ii)</sup>	-	45.040.818.166
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	-	39.961.989.868
Vay Công ty Cổ phần C&N New Vina <sup>(iv)</sup>	-	5.967.250.000
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(v)</sup>	6.017.100.000	3.750.012.060
<b>Cộng</b>	<b>62.489.875.290</b>	<b>108.265.609.234</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động thực hiện các Hợp đồng xây dựng các công trình. Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ các Hợp đồng xây dựng các công trình này.
- (ii) Ngoài ra, Công ty vay ngắn hạn của một số cá nhân để bổ sung đảm bảo cho nguồn vốn lưu động của Công ty.

### 14b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	-	2.812.500.000
Ngân hàng Liên Việt	21.960.209.666	
Vay ngắn hạn tổ chức khác (C&N)	4.274.750.000	
Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(ii)</sup>	21.130.627.470	3.009.286.879
Ông Đào Quốc Hùng	2.319.118.750	-
Bà Trần Thị Minh Nguyệt	11.057.630.167	-
Bà Nguyễn Trà My	3.135.189.855	-
Ông Phạm Ngọc Trung	1.502.375.000	-
Nguyễn Thanh Hải	1.915.172.827	-
Bà Lê Thị Thanh		256.123.547
Bà Nguyễn Thị Hoàn	157.351.570	145.082.766
Bà Nguyễn Thị Hà	-	754.763.250
Ông Trần Ngọc Phương	-	1.300.546.966
Bà Trần Thị Minh Hương	1.043.789.301	552.770.350
<b>Cộng</b>	<b><u>47.365.587.136</u></b>	<b><u>5.821.786.879</u></b>

### 15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ liên quan đến chi phí bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.398.083.803	2.235.830.539
Tăng do trích lập	(208.471.864)	1.718.897.330
Số sử dụng	(923.169.042)	(1.556.644.066)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.266.442.897</u></b>	<b><u>2.398.083.803</u></b>

### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	50.316.115	806.460.000	1.875.100.000	(1.024.283.522)
Quỹ phúc lợi	15.238.139	806.460.000	56.300.000	771.357.776
<b>Cộng</b>	<b><u>65.554.254</u></b>	<b><u>1.612.920.000</u></b>	<b><u>1.931.400.000</u></b>	<b><u>(252.925.746)</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ**

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019****17. Vốn chủ sở hữu****17a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Trần Minh Thu	28.167.730.000	28.167.730.000
Bà Lê Thị Mùi	8.000.000.000	8.000.000.000
Bà Trần Thị Huyền	7.377.430.000	7.377.430.000
Ông Trần Hoàng Tuấn	6.650.000.000	6.650.000.000
Ông Lê Bắc Thái	6.357.620.000	6.357.620.000
Các cổ đông khác	65.447.220.000	65.447.220.000
<b>Cộng</b>	<b><u>122.000.000.000</u></b>	<b><u>122.000.000.000</u></b>

**17b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	44	44
- Cổ phiếu phổ thông	44	44
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.199.956	12.199.956
- Cổ phiếu phổ thông	12.199.956	12.199.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	72.455.811.808	158.273.698.787
Doanh thu cho thuê tài sản	1.626.499.842	-
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	-
Doanh thu khác	5.600.000.000	-
Các khoản giảm trừ Doanh thu	(19.321.818)	(431.108.018)
<b>Cộng</b>	<b><u>72.436.489.990</u></b>	<b><u>157.842.590.769</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	54.779.668.281	134.498.927.370
Giá vốn của của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>54.779.668.281</u></b>	<b><u>134.498.927.370</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY HỒ

Địa chỉ: Số 73, đường Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2019**

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	905.121.008	242.757.257
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.782.702.720	-
<b>Cộng</b>	<b>2.687.823.728</b>	<b>242.757.257</b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	388.024.390	1.964.200.962
Chi phí tài chính khác	4.668.802.421	25.205.556
<b>Cộng</b>	<b>5.056.826.811</b>	<b>1.989.406.518</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.898.462.858	9.707.585.797
<b>Cộng</b>	<b>9.898.462.858</b>	<b>9.707.585.797</b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	345.454.545	18.181.818
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	-
Thu tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	7.107.570	-
Thu nhập khác	841.489.040	35.704.222
<b>Cộng</b>	<b>1.194.051.155</b>	<b>53.886.040</b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ này Năm trước</u>
Chi phí khác	12.329.227	573.052.934
<b>Cộng</b>	<b>12.329.227</b>	<b>573.052.934</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính của Quý 4 cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2019


**Bùi Thị Thanh Hồng**  
Người lập

**Nguyễn Thị Thoa**  
Kế toán trưởng



**Trần Minh Thu**  
Tổng Giám đốc